TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23/02/2022
"Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Quảng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Chự

2. Ông Nguyễn Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Quang Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Nhất Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2021 về việc "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đinh Trọng T, sinh năm 1988;
Trú tại: Thôn 6, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai
Bị đơn: Chị Mạc Thị T1, sinh năm 1989;
Trú tại: Thôn 6, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai.
NgU đơn, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn là anh Đinh Trọng T trình bày:

Anh Đinh Trọng T và chị Mạc Thị T1 sau thời gian tìm hiểu tự nguyện và đi đến hôn có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn P vào năm 2008. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T và chị T1 không hợp nhau về tính tình, cách sống, quan điểm sống. Từ tháng 07/2019, anh T

và chị T1 đã không còn sống chung với nhau. Nay anh nhận thấy tính cảm vợ chồng không còn anh T đề nghị ly hôn với chị T1 và không yêu cầu hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Anh Đinh Trọng T và chị Mạc Thị T1 có 05 con chung là Đinh Thị Tố U, sinh ngày 15/6/2009; Đinh Thị Tô H, sinh ngày 09/10/2010; Đinh Trúc L, sinh ngày 25/12/2012; Đinh Trọng C, sinh ngày 11/10/2014 và Đinh Trọng N, sinh ngày 13/9/2016. Cả 05 con chung hiện đang do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T yêu cầu được nuôi cả 05 con chung và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Toà án đã thực hiện việc tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn chị Mạc Thị T1 đến làm việc, nhưng chị T1 không có mặt theo nội dung triệu tập của Tòa án. Tại các văn bản mà bị đơn chị Mạc Thị T1 gửi đến Toà án trong quá trình giải quyết vụ án, chị T1 trình bày nội dung như sau:

Chị Mạc Thị T1 và anh Đinh Trọng T sau thời gian tìm hiểu tự nguyện và đi đến hôn có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn P vào năm 2008. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị T1 và anh T không hợp nhau về tính tình, cách sống, quan điểm sống. Từ tháng 07/2019, chị T1 và anh T đã không còn sống chung với nhau. Nay anh nhận thấy tính cảm vợ chồng không, anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn, chị T1 đồng ý và không yêu cầu hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Chị Mạc Thị T1 và anh Đinh Trọng T có 05 con chung là Đinh Thị Tố U, sinh ngày 15/6/2009; Đinh Thị Tô H, sinh ngày 09/10/2010; Đinh Trúc L, sinh ngày 25/12/2012; Đinh Trọng C, sinh ngày 11/10/2014 và Đinh Trọng N, sinh ngày 13/9/2016. Cả 05 con chung hiện đang do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T yêu cầu được nuôi cả 05 con chung và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng, chị T1 đồng ý.

Về T sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, ngU đơn là anh Đinh Trọng T vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh T giữ ngU yêu cầu ly hôn với chị Mạc Thị T1, yêu cầu nuôi con chung là các cháu Đinh Thị Tố U; Đinh Thị Tô H; Đinh Trúc L; Đinh Trọng C và Đinh Trọng N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về T sản chung và nợ chung.

Tại phiên toà, bị đơn là chị Mạc Thị T1 vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị T1 giữ ngU ý kiến đồng ý với toàn bộ yêu cầu của anh T về ly hôn, nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về T sản chung và nợ chung:

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: NgU đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đinh Trọng T đối với chị Mạc Thị T1.

+ Về con chung: Giao các cháu Đinh Thị Tố U; Đinh Thị Tô H; Đinh Trúc L; Đinh Trọng C và Đinh Trọng N cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Các T liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có:

01 Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn;01 Bản sao sổ hộ khẩu;02 Bản sao chứng minh nhân dân;05 Bản sao trích lục khai sinh.Chứng cứ Tòa án thu thập được: Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn, bản trình bày của bị đơn, bản ghi ý kiến của con chưa thành niên; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; Đơn xin xét xử vắng mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đinh Trọng T yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn với Chị Mạc Thị T1. Đơn khởi kiện của anh Đinh Trọng T phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Mạc Thị T1 cư trú tại thôn 6, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Đinh Trọng T và bị đơn chị Mạc Thị T1 đã được Toà án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, do vậy toà án nhân dân huyện P xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của ngU đơn

Anh Đinh Trọng T và chị Mạc Thị T1 có đăng ký kết hôn vào vào ngày 15/7/2008 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai, anh T và chị T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh T và chị T1 chung sống hạnh phúc một thời gian thì anh T và chị T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn và thực tế anh T và chị T1 đã ly thân từ tháng 07/2019 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để hòa giải cho các đương sự về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, chị T1 đã không đến Tòa án để tiến hành hòa giải. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh T và chị T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[3] Về con chung: Anh Đinh Trọng T và chị Mạc Thị T1 có 05 con chung là Đinh Thị Tố U, sinh ngày 15/6/2009; Đinh Thị Tô H, sinh ngày 09/10/2010; Đinh Trúc L, sinh ngày 25/12/2012; Đinh Trọng C, sinh ngày 11/10/2014 và Đinh Trọng N, sinh ngày 13/9/2016. Anh T yêu cầu nuôi các con chung. Xét cha mẹ có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên. Xét yêu cầu của anh T, thấy

rằng các con chung hiện do anh T trực tiếp chăm sóc từ khi anh T và chị T1 sống ly thân, các con chung có nguyện vọng được ở với anh T, bản thân chị T1 cũng đồng ý để anh T tiếp tục chăm sóc các con chung, do vậy việc giao các con chung cho anh T tiếp tục trông nom chăm sóc là phù hợp, đảm bảo sự phát triển bình thường của các con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng.

[4] Về T sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia T sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Trọng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Trọng T được ly hôn với chị Mạc Thị T1.

2. Về con chung:

Giao con chung là các cháu Đinh Thị Tố U, sinh ngày 15/6/2009; Đinh Thị Tô H, sinh ngày 09/10/2010; Đinh Trúc L, sinh ngày 25/12/2012; Đinh Trọng C, sinh ngày 11/10/2014 và Đinh Trọng N, sinh ngày 13/9/2016 cho anh Đinh Trọng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có T sản để tự nuôi mình (theo nguyện vọng của con chung).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Buộc anh Đinh Trọng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0006314 ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Anh Đinh Trọng T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Anh Đinh Trọng T và chị Mạc Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND tt P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Văn Quảng